

Số: 2376 /QĐ-UBND

Quận 12, ngày 12 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KH và CN;
- UBND/Q (CT, các PCT);
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NV.NP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức

**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

TCVN ISO 9001:2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12)*

STT	Tên thủ tục	Mã số
Lĩnh vực Cán bộ, công chức		
1.	Thi tuyển công chức	QT-01/CBCC
2.	Thi nâng ngạch công chức	QT-02/CBCC
Lĩnh vực Chính quyền địa phương		
3.	Thành lập khu phố mới, ấp mới	QT-01/CQĐP
Lĩnh vực Tổ chức Phi chính phủ (hội)		
4.	Công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, phường - xã, thị trấn.	QT-01/PCP
5.	Đăng ký tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội có phạm vi hoạt động trong quận - huyện, phường - xã, thị trấn (dùng cho đơn vị tổ chức đại hội từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi)	QT-02/PCP
6.	Phê duyệt điều lệ Hội có phạm vi hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	QT-03/PCP
Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng		
7.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích	QT-01/TĐKT
8.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-02/TĐKT
9.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đột xuất	QT-03/TĐKT
10.	Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-04/TĐKT
11.	Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”	QT-05/TĐKT
12.	Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT-06/TĐKT

Lĩnh vực Tôn Giáo		
13.	Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-01/TG
14.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-02/TG
15.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-03/TG
Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		
16.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-01/ĐVSN
17.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-02/ĐVSN
18.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-03/ĐVSN
Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính		
19.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-01/TCHC
20.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-02/TCHC
21.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-03/TCHC
Lĩnh vực Hộ tịch		
22.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT
23.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT
24.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT
25.	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT
26.	Đăng ký Giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT
27.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT
28.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-07/HT

29.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-08/HT
30.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-09/HT
31.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-10/HT
32.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-11/HT
33.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT
34.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-13/HT
35.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Khai sinh, khai tử, nhận cha, mẹ, con, giám hộ,)	QT-14/HT
36.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-15/HT
37.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-16/HT
Lĩnh vực Chứng thực		
38.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT
39.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT
40.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-03/CT
41.	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	QT-04/CT
42.	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-05/CT

43.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-06/CT
44.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT
45.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-08/CT
Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật		
46.	Công nhận báo cáo viên pháp luật quận	QT-01/PBGDPL
47.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật quận	QT-02/PBGDPL
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
48.	Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/CNTD
49.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị hỏng	QT-02/CNTD
50.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/CNTD
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
51.	Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-01/LTHH
52.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	QT-02/LTHH
53.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-03/LTHH
54.	Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ rượu	QT-04/LTHH
55.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu do bị mất hoặc bị hỏng	QT-05/LTHH
56.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/LTHH
57.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-07/LTHH
58.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-08/LTHH

59.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-09/LTHH
60.	Tiếp nhận Giấy đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT-10/LTHH
61.	Tiếp nhận Giấy đăng ký kinh doanh rượu dưới 5.5 độ	QT-11/LTHH
Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
62.	Cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	QT-01/ATTP
63.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.	QT-02/ATTP
Lĩnh vực xây dựng		
64.	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD
65.	Cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD
66.	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới công trình (công trình không theo tuyến; công trình theo tuyến trong đô thị; công trình tín ngưỡng; công trình quảng cáo, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	QT-03/XD
67.	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (các công trình còn lại không theo tuyến không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh; công trình tín ngưỡng, công trình quảng cáo, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	QT-04/XD
68.	Cấp lại Giấy phép xây dựng	QT-05/XD
69.	Gia hạn Giấy phép xây dựng	QT-06/XD

70.	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời	QT-07/XD
71.	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng	QT-08/XD
72.	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo	QT-09/XD
73.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện	QT-10/XD
Lĩnh vực đường bộ		
74.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-01/ĐB
75.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-02/ĐB
76.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-03/ĐB
77.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-04/ĐB
Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		
78.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT-01/QH
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo		
79.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDĐT
80.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GDĐT
81.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GDĐT
82.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GDĐT
83.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-05/GDĐT

84.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-06/GDĐT
85.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT-07/GDĐT
86.	Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-08/GDĐT
87.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-09/GDĐT
88.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-10/GDĐT
89.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-11/GDĐT
90.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-12/GDĐT
91.	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-13/GDĐT
92.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-14/GDĐT
93.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT-15/GDĐT
94.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-16/GDĐT
95.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-17/GDĐT
96.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT-18/GDĐT
97.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	QT-19/GDĐT
98.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT-20/GDĐT
99.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-21/GDĐT
100.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-22/GDĐT
101.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-23/GDĐT
102.	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT-24/GDĐT
103.	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-25/GDĐT

104.	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	QT-26/GDĐT
105.	Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-27/GDĐT
106.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục	QT-28/GDĐT
107.	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	QT-29/GDĐT
108.	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng)	QT-30/GDĐT
109.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-31/GDĐT
110.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-32/GDĐT
Lĩnh vực hệ thống văn bằng chứng chỉ		
111.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT-01/HTVBCC
112.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT-02/HTVBCC
Chính sách có công		
113.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/CSCC
114.	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT-02/ CSCC

115.	Giải quyết chế độ đối với người hưởng chính sách như thương binh (trường hợp người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn)	QT-03/CSCC
116.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-04/CSCC
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
117.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-01/BTXH
118.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-02/BTXH
119.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-03/BTXH
120.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-04/BTXH
121.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-05/BTXH
Lĩnh vực Lao động, tiền lương, tiền công		
122.	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL
123.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	QT-02/LĐTL
124.	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	QT-03/LĐTL
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
125.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.	QT-01/GDNN

126.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực.	QT-02/GDNN
Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em		
127.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE
128.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-02/TE
Lĩnh vực đất đai		
129.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-01/ĐĐ
130.	Phối hợp tách thửa nhà, đất đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-02/ĐĐ
131.	Phối hợp Cấp Giấy chứng nhận nhà đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-03/ĐĐ
Lĩnh vực tài nguyên nước		
132.	Cấp Giấy khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT-01/TNN
133.	Cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước	QT-02/TNN
Lĩnh vực Công sản		
134.	Điều chuyển tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-01/CS
135.	Thanh lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/CS
136.	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-03/CS
Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu		
137.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện	QT-01/LCNT
138.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận	QT-02/LCNT

Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư		
139.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-01/LCNĐT
140.	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-02/LCNĐT
Lĩnh vực Kinh tế tập thể		
141.	Đăng ký hợp tác xã	QT-01/HTX
142.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX
143.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX
144.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX
145.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX
146.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX
147.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX
148.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX
149.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX
150.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX
151.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX
152.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX
153.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX
154.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX
155.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX
156.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-16/HTX

Lĩnh vực Kinh doanh hộ cá thể		
157.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/ĐKKD
158.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/ĐKKD
159.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-03/ĐKKD
160.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-04/ĐKKD
161.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/ĐKKD-TH
Lĩnh vực Văn hóa công sở		
162.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/VHCS
163.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/VHCS
164.	Công nhận lần đầu “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/VHCS
165.	Công nhận lại “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/VHCS
Lĩnh vực Gia đình		
166.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/GĐ
167.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/GĐ
168.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/GĐ
169.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/GĐ

170.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-05/GĐ
171.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-06/GĐ
Lĩnh vực Tiếp công dân		
172.	Tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại	QT-01/TCD
173.	Tiếp công dân và xử lý đơn tố cáo	QT-02/TCD
Lĩnh vực khiếu nại		
174.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/KN
175.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/KN
Lĩnh vực tố cáo		
176.	Giải quyết tố cáo	QT-03/TC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt
động của Ủy ban nhân dân Quận 12**

*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2376/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quận 12, ngày 12 tháng 5 năm 2022

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức